TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MINH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày 06 tháng 5 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thỏa, ông Nguyễn Đình Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Quỳnh Trang là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Lài - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 25/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HS ngày 22/4/2022 đối với các bị cáo:

1. Cháng Thị T, sinh năm 1985, tại xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cháng A N, sinh năm 1961 và bà Cháng Thị N1, sinh năm 1963; chồng: Không có (chung sống như vợ như chồng từ năm 2003 với ông Phàn A T có với nhau 02 con chung; hiện ông Phàn A T đã kết hôn với bà Phàn Thị N3); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt ngày 23/02/2022, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Cháng A Đ, sinh năm 1996, tại xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cháng A N, sinh năm 1961 và bà Cháng Thị N1, sinh năm 1963; có vợ là: Cháng Thị Đ1, sinh năm 1989; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt ngày 24/02/2022, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Cháng Thị N1, sinh năm 1963, tại xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cháng A N (đã chết) và bà Cháng Thị N (đã chết); có chồng là: Cháng A Noóng, sinh năm 1961; con: Có 05 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1996; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Phàn Thị N2, sinh năm 1988, tại xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phàn A C, sinh năm 1955 và bà Phàn Thị N, sinh năm 1955; có chồng là: Cháng A Ng, sinh năm 1988; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Phàn Thị N3, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Cháng A N, sinh năm 1961; trú tại: : Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

+ Người làm chứng: Ông Phàn A Tách, cháu Phàn Văn T. Có mặt.

+ Người đại diện hợp pháp cho người làm chứng Phàn Văn T: Ông Phàn A K, sinh năm 1964; trú tại: : Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

+ Người phiên dịch tiếng dân tộc Dao: Ông Lý A C; trú tại: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/8/2021 Cháng Thị T đi chăn trâu tại khu vực đồi ở gần nhà thì thấy Phàn Thị N3 cùng chồng là Phàn A T và em chồng là Phàn Văn T, sinh năm 2008, trú cùng thôn đang thu ngô ở ruộng nương gần đó, do bực tức vì trước đó N3 có đánh T ở chợ N nên T nảy sinh ý định đánh N3, bắt N3 phải xin lỗi T nên T đi đến chỗ của Cháng Thị N1 sinh năm 1963 là mẹ của T bảo N1 đi về nhà đi lấy cho T 01 cái kéo; 01 đoạn ống nhựa; 01 bật lửa ga để đi đánh N3, N1 đồng ý sau đó T mượn điện thoại di động của Cháng Minh P, sinh năm 2009 là cháu ruột của T đang chăn trâu gần đó để gọi điện thoại cho Phàn Thị N2, sinh năm 1988, trú cùng thôn là em dâu của T, Thuần bảo N2 đến hộ T đánh N3, N3 đồng ý, Thuần tiếp tục gọi điện thoại cho Cháng A Đ, sinh năm 1996 là em trai ruột của T bảo Đ đến quay video cảnh T, N1 và N2 đánh N3, Đ đồng ý. Sau đó, cả bốn người cùng nhau tập trung gần khu vực nơi N3 đang thu ngô ngồi đợi đến khi Phàn A T chở ngô về nhà thì T N1 N2, Đ đi đến chỗ N3 đang thu ngô rồi N1, T, N2 lao vào dùng chân, tay đánh vào người N3, giật quần áo của

N3, còn Cháng A Đ thì sử dụng điện thoại Samsung loại màn hình cảm ứng, mặt sau điện thoại màu hồng đứng quay video, trong lúc giằng co, vật lộn thì cả 4 người kéo nhau trượt xuống thửa ruộng bên dưới, lúc này N1 lấy 01 cái kéo dài 23cm, có cán nhựa màu vàng, mang theo từ trước ra và dùng kéo cắt tóc của N3, còn T và N2 dùng chân tay đánh, đồng thời cầm giữ tay của N3, sau đó, N1 đưa kéo cho T cắt tóc của N3, còn N1 tiếp tục lấy 01 ống nhựa màu đen dài 25cm và 01 bật lửa ga màu trắng ra bật đốt một đầu ống nhựa đưa cho T nhằm mục đích châm vào mặt N3 nhưng N3 giành được ống nhựa nên không trúng vào mặt, do vật lộn ở ruộng có nước nên lửa ở ống nhựa bị tắt. Rồi N1 tiếp tục dùng kéo cắt tóc và quần của N3 làm ống quần bên trái của N3 bị rách một đoạn dài 07cm. Còn T, N2 tiếp tục dùng chân, tay đánh N3 đến khi Phàn A T đi xe máy đến gần thì cả bốn người bỏ chạy về nhà. Khi về đến nhà thì T bảo với Đ đăng tải đoạn video quay lại cảnh T, N1, N2 đánh N3 lên mạng xã hội cho mọi người xem, Đ đồng ý còn N1 và N2 không nói gì. Do điện thoại của Đ không kết nối mạng được nên Đ đã chuyển đoạn video trên sang điện thoại của Cháng A N, sinh năm 1961 (*bố đẻ của Đ*) và đăng lên mạng xã hội Facebook bằng tài khoản của Đ là "Danh C…" với nội dung là *"Giám cướp chồng chị gái của tôi sao mày..."* nội dung video dài 03 phút 57 giây, có 196 lượt xem và bình luận. Còn Phàn Thị N3 sau đó được đưa đi điều trị tại Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện Yên Minh và Phàn A T gọi điện thoại trình báo sự việc cho công an xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Ngày 30/8/2021 Công an xã M, huyện Y đã tiến hành lập biên bản kiểm tra điện thoại của Cháng A N. Tại thời điểm kiểm tra phát hiện trên ứng dụng "Facebook" được đăng nhập qua tài khoản "Danh C…" có đăng 01 video với tiêu đề *"Giám cướp chồng chị gái của tôi sao mày..."*, video dài 03 phút 57 giây, có 196 lượt bình luận. Kiểm tra trong ứng dụng "Bộ sưu tập" trên điện thoại phát hiện 01 video (*độ dài video 03 phút 57 giây*), bị cáo Cháng A Đ xác định nội dung video trong ứng dụng "Bộ sưu tập" và video được đăng tải lên ứng dụng "Facebook" là cùng nội dung và do bị can Cháng A Đ trực tiếp đăng tải lên Facebook qua tài khoản facebook cá nhân của bị cáo Đ, Công an xã M đã tiến hành trích xuất dữ liệu video để phục vụ công tác điều tra và yêu cầu bị cáo Đ đã gỡ đoạn video khỏi mạng xã hội Facebook.

Tại Bản kết luận giám định số: 7579/C09-P6 ngày 08/11/2021 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an đối với giám định về kỹ thuật số và điện tử, kết luận: "Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các file video gửi giám định; Hình ảnh gửi giám định có thể nhận dạng được khi gửi mẫu so sánh; Đã tiến hành mô tả và phóng to hình ảnh. Chi tiết thể hiện trong Bản ảnh kèm theo."

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số: 119/TgT, ngày 18/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang, kết luận:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định: Hiện tại mắt trái, hai bên đùi, bụng không thấy tổn thương

2. Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 0%.

3. Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương trên cơ thể của Phàn Thị N3 do vật tày tác động gây nên."

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-YM ngày 24/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh đã truy tố các bị cáo Cháng Thị T, Cháng Thị N1, Cháng A Đ và Phàn Thị N2 đã phạm tội "Làm nhục người khác" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 155 Bộ luật hình năm 2015

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật hình sự năm 2015 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Cháng Thị T từ 04 đến 06 tù, bị cáo Cháng A Đ từ 03 đến 05 tháng tù.

Áp dụng e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật hình sự năm 2015 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Cháng Thị Nhầu từ 04 tháng đến 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng; Phàn Thị Ngoài từ 03 tháng đến 05 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

Về hình trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 592 của Bộ luật Dân sự 2015 Buộc các bị cáo Cháng Thị T, Cháng Thị N1, Cháng A Đ và Phàn Thị N2 phải liên đới bồi thường số tiền: 7.841.323^{đ} gồm: Tiền tổn thất về mặt tinh thần, thu nhập bị mất, chi phí giám định thương tích cho bị hại Phàn Thị N3, địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; thời điểm thanh toán kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Cháng Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo Cháng Thị N1, Cháng A Đ, Phàn Thị N2 vì thuộc diện hộ nghèo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, các bị cáo không tranh luận chỉ xin giảm nhẹ hình phạt; về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa các bị cáo đã thỏa thuận được với bị hại liên đới bồi thường số tiền 10.000.000^{đ} (mười triệu đồng) cho bị hại, thời hạn thanh toán trước ngày 18/5/2022, phương thức thanh toán trả làm một lần và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Bị hại Phàn Thị N3 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa

thuận giữa bị hại và các bị cáo về bồi thường số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho bị hại, thời hạn thanh toán trước ngày 18/5/2022, phương thức thanh toán trả làm một lần.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Cháng A N đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc điện thoại mà bị cáo Đ lấy để đăng tải video lên mạng xã hội vì đây là tài sản phương tiện liên lạc của ông và ông không biết việc bị cáo mượn để thực hiện hành vi phạm tội.

Kiểm sát viên có quan điểm việc các bị cáo đồng tình với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh điều khoản truy tố và chỉ xin giảm nhẹ hình phạt điều đó khẳng định Cáo trạng truy tố các bị cáo ra trước Tòa án là có căn cứ đúng người đúng tội, đúng pháp luật; Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo do vậy giữ nguyên quan điểm luận tội.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều giữ nguyên quan điểm không tranh luận đối đáp gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sơ xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều hợp pháp; Về tính hợp pháp của các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều được đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Do đó Các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng cháu Phàn Văn T, tuy nhiên đã có mặt người đại diện hợp pháp của cháu Thương là ông Phàn A K. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vắng mặt người làm chứng nêu trên.

[3] Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận khoảng 16 giờ ngày 28/8/2021 bị cáo T rủ rê các bị cáo N1, N2 đánh bị hại N3. T, N1, N2 đã dùng chân, tay đánh, dùng kéo cắt tóc và quần của N3 và bảo bị cáo Đ dùng điện thoại di động quay lại sau đó T trực tiếp bảo Đ đăng Video quay lại cảnh đánh N3 lên mạng xã hội mục đích để cho mọi người xem biết vụ việc.

[4] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản, bản ảnh xác định hiện trường, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 28/8/2021, tại vị trí ruộng nương thuộc địa phận thôn P, xã M. Do bực tức việc Phàn Thị N3 nói xấu Cháng Thị T đã rủ rê Cháng Thị N1, Phàn Thị N2 đến hộ T đánh N3; T, N1, N2 đã dùng chân, tay đánh, dùng kéo cắt tóc và quần của N3 và bảo Cháng A Đ dùng điện thoại di động quay lại cảnh T, N1, N2 đánh N3, cắt tóc, cắt quần của N3 với thời lượng 3 phút 57 giây, sau đó T trực tiếp bảo Đ đăng video quay lại cảnh đánh Nhiêu lên mạng xã hội mục đích để cho mọi người xem biết vụ việc. Kết quả vi deo đã thu hút được 196 lượt bình luận trái chiều gây ảnh hưởng đến danh dự nhân phẩm của bị hại.

[5] Hành vi nêu trên của các bị cáo Cháng Thị T, Cháng A Đ, Cháng Thị N1, Phàn Thị N2 đã xâm phạm trực tiếp sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết xã hội nhất định nên có thể nhận thức được hành vi xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của người khác sau đó ghi lại video đăng tải lên mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử với bất kỳ mục đích nào đều bị pháp luật xử lý, chỉ vì mong muốn chút cơn bực tức của bản thân mà các bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Làm nhục người khác" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi, vai trò phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến dư luận quần chúng nhân dân. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và là đồng phạm giản đơn.

[6.1] Bị cáo Cháng Thị T là người chủ động rủ rê, phân công và cùng các bị cáo N1, N2 dùng chân, tay đánh, dùng kéo cắt tóc và quần của bị hại N3 đồng thời phân công bị cáo Đ dùng điện thoại di động ghi hình lại, sau đó bảo bị cáo Đ đăng tải lên mạng xã hội để mọi người biết để làm nhục bị hại. Mặt khác quá trình bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đã không chấp hành yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng nên bị thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp tạm giam.

[6.2] Bị cáo Cháng A Đ với vai trò là người giúp sức tích cực nhất vì khi thấy các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh đập bị hại đã không can ngăn, sau khi được bị cáo T phân công đã hưởng ứng bằng cách lấy điện thoại của mình ra ghi hình lại, sau đó đăng tải lên mạng xã hội bằng tài khoản Facebook cá nhân của mình. Mặt khác quá trình bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đã không chấp hành yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng nên bị thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp tạm giam.

[6.3] Bị cáo Cháng Thị N1 với vai trò là người giúp sức tích cực, khi được bị cáo T phân công thì chuẩn bị kéo, ống nhựa, bật lửa, gọi điện thoại cho bị cáo N2 đến giúp đánh bị hại N3, bị cáo là người trực tiếp dùng kéo cắt tóc, cắt quần của bị hại.

[6.3] Bị cáo Phàn Thị N2 là người giúp sức nhưng không tích cực bằng bị cáo Đ và N1, cụ thể đã cùng các bị cáo T, N1 dùng chân tay đánh vào người bị hại.

[7] Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo Cháng Thị T, Cháng A Đ ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi lượng hình cần có mức án đối với bị cáo T cao hơn so với bị cáo Đ mới tương xứng với vai trò của từng bị cáo; đối với các bị cáo Cháng Thị N1, Phàn Thị N2 tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức nhưng giữ vai trò không quan trọng các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Cháng Thị N1, Phàn Thị N2 ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt tù cho hưởng án treo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật và như Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, đảm bảo được sự giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên cần có mức hình phạt đối với bị cáo N1 cao hơn so với bị cáo N2 thể hiện vai trò của từng bị cáo trọng vụ án.

[8] Về tình tiết định khung tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều có nhân thân tốt, đều là dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật hạn chế; đối với bị cáo T là lao động chính có 02 con còn nhỏ hiện đang được giao cho bố đẻ là Cháng A N nuôi dưỡng; đối với các bị cáo N1, N2 có nơi cư trú ổn định rõ ràng đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

[10] Cần áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định tạm giam các bị cáo Cháng Thị T, Cháng A Đ mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

[11] Hành vi của các bị cáo Cháng Thị T, Cháng Thị N1 và Phàn Thị N2 dùng tay, chân đánh bị hại Phàn Thị N3 tuy nhiên căn cứ vào bản kết luận giám định pháp y thương tích số: 119/TgT, ngày 18/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang, kết luận: *tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 0%",* không đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích nên không đề cập giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét

[12] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường số tiền 10.000.000^{đ} (mười triệu đồng) cho bị hại, thời hạn thanh toán trước ngày 18/5/2022, phương thức thanh toán trả làm một lần, người nhận tiền là Phàn Thị N3, địa chỉ thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Hội đồng xét xử thấy thỏa thuận này không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần căn cứ Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 592 của Bộ luật Dân sự 2015 để công nhận sự thỏa thuận này.

[13] Về vật chứng: Cần áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, để xử lý như sau:

[13.1] Tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội và vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 (một) đoạn dây thừng dài 1,8m; 01 (một) dây cao su dài 01m; 01 (một) bật lửa ga màu trắng; 02 (hai) ống nhựa màu đen dài 25cm, một ống đã bị đốt một đầu; 01 chiếc kéo dài 23cm, có cán nhựa màu vàng; 01 (một) túi vải màu đen của dân tộc Dao; 01 (một) quần dài bằng vải bị rách một đoạn dài 07cm ở ống quần bên trái và có bám dính bùn đất; 01 (một) áo dài tay dân tộc Dao và có bám dính bùn đất; 01 (một) khăn đội đầu dân tộc Dao và có bám dính bùn đất; 01 (một) dây lưng đã qua sử dụng và có bám dính bùn đất.

[13.2] Tịch thu sung quỹ nhà nước vật chứng là phương tiện để thực hiện việc phạm tội là: 01 (một) điện thoại Samsung loại màn hình cảm ứng, mặt sau điện thoại màu hồng thu giữ của bị cáo Cháng A Đ.

[13.3] Trả lại vật chứng là: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J5 Prime, loại màn hình cảm ứng, mặt sau điện thoại màu vàng đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Cháng A N, địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

[14] Đối với 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia là chiếc điện thoại Thuần sử dụng để gọi cho Phàn Thị N2 và Cháng A Đ tuy nhiên đây là điện thoại của Cháng A P không biết việc T mượn điện thoại để gọi cho N2 và Đ để rủ N2 và Đ đến giúp T đánh N3 nên trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Minh đã trả lại chiếc điện thoại trên cho Cháng A P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[15] Về án phí: Cần căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Cháng Thị T phải chịu 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 125.000^{đ} (một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo Cháng Thị N1, Cháng A Đ, Phàn Thị N2 vì là cá nhân thuộc diện hộ nghèo có giấy chứng nhận hộ nghèo lưu trong hồ sơ và đã có đơn xin miễn án phí gửi cho Tòa án.

[20] Do vậy, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Cháng Thị T, Cháng Thị N1, Cháng A Đ và Phàn Thị N2 phạm tội "Làm nhục người khác".

2. Về Hình Phạt: Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 155, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Cháng Thị T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 23/02/2022.

- Xử phạt bị cáo Cháng A Đ 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 24/02/2022.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định tạm giam các bị cáo Cháng Thị T, Cháng A Đ mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 155, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Cháng Thị N1 Xử 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/5/2022).

- Xử phạt bị cáo Phàn Thị N2 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/5/2022).

Giao các bị cáo Cháng Thị N1, Phàn Thị N2 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Cháng Thị N1, Phàn Thị N2 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 592 của Bộ luật Dân sự 2015. Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, theo đó buộc các bị cáo Cháng Thị T, Cháng Thị N1, Cháng A Đ và Phàn Thị N2 phải liên đới trách nhiệm bồi thường số tiền: 10.000.000đ (mười triệu đồng) gồm: Tiền tổn thất về mặt tinh thần, thu nhập bị mất, chi phí giám định cho bị hại Phàn Thị N3, địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; thời điểm thanh toán đến ngày 18/5/2022.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) đoạn dây thừng dài 1,8m; 01 (một) dây cao su dài 01m; 01 (một) bật lửa ga màu trắng; 02 (hai) ống nhựa màu đen dài 25cm, một ống đã bị đốt một đầu; 01 chiếc kéo dài 23cm, có cán nhựa màu vàng; 01 (một) túi vải màu đen của dân tộc Dao; 01 (một) quần dài bằng vải bị rách một đoạn dài 07cm ở ống quần bên trái và có bám dính bùn đất; 01 (một) áo dài tay dân tộc Dao và có bám dính bùn đất; 01 (một) khăn đội đầu dân tộc Dao và có bám dính bùn đất; 01 (một) dây lưng đã qua sử dụng và có bám dính bùn đất.

Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với: 01 (một) điện thoại Samsung loại màn hình cảm ứng, mặt sau điện thoại màu hồng thu giữ của Cháng A Đ.

Trả lại vật chứng là: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J5 Prime, loại màn hình cảm ứng, mặt sau điện thoại màu vàng đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Cháng A N, địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh)

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Cháng Thị T phải chịu 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 98.000^{đ} (chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Cháng Thị N1, Cháng A Đ, Phàn Thị N2 mỗi bị cáo là 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) và miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo Cháng Thị N1, Cháng A Đ, Phàn Thị N1 mỗi bị cáo là 125.000^{đ} (chín mươi tám nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b, Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Yên Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạng